

TP. Thái Nguyên, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 396/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.**

Bị đơn: Chị **Trịnh Thị C**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Ngọc T** và chị **Trịnh Thị C**.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về quan hệ vợ chồng: Anh **Trần Ngọc T** và chị **Trịnh Thị C** nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Anh **Trần Ngọc T** và chị **Trịnh Thị C** thỏa thuận giao cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Trần Ngọc H**, sinh ngày 25/02/2011 và cháu **Trần Ngọc H1**, sinh ngày 16/3/2015, đến khi cháu **H** và cháu **H1** đủ 18 tuổi.

Chị **C** có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh **Trần Ngọc T** và chị **Trịnh Thị C** không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí*: Anh **Trần Ngọc T** tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Hoàn trả anh **T** 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh **T** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo biên lai số 0003017 ngày 12 tháng 7 năm 2024.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND 2 cấp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND phường Phan Đình Phùng;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Hương